TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN Bản án số: 56/2024/DS-ST Ngày 25 - 4 - 2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền- Kiểm sát viên

Trong các ngày 22 và 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1002/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Bình T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Quốc S sinh năm 1981. Địa chỉ: 3 đường C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2023) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Cao Hoàng L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ A, C, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2024) (vắng mặt).

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1.Bà Bùi Thị Thúy A, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt);

3.2. Ông Phan Thái B, sinh năm 1996. Địa chỉ: A Ô, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Bình T ủy quyền cho ông Phạm Quốc S trình bày:

Ông T và ông Cao Hoàng L có quen biết với nhau nên ngày 28/6/2023, ông L có hỏi ông T mượn số tiền 1.200.00.000 đồng để kinh doanh làm ăn, ông L hứa sau hai tháng trả lại. Khi mượn ông L có làm giấy mượn. Tuy nhiên đến hạn ông L cũng không có thiện chí trả, ông T có nhắc nhở nhiều lần nhưng ông L cũng không có thiện chí trả. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và vợ là bà A liên đới trả cho ông T 1.200.000.000 đồng.

Bị đơn ông Cao Hoàng L và ông T1 đại diện ông L xác định: chữ ký và chữ viết và dấu vân tay trong giấy nợ ngày 28/6/2023 do ông T xuất trình đúng là của ông L nhưng ông L không có nhận tiền 1.200.000.000 đồng từ ông T mà trước đây ông có mượn ông Phan Thái B là em rể của ông T 3.000.000.000 đồng, ông đã trả 2.000.000.000 đồng hiện ông còn nợ ông B 1.000.000.000 đồng chứ ông không nợ số tiền nào từ ông T nên ông không đồng ý trả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thái B trình bày: Ngày 06/6/2022, ông có cho ông L mượn 3.000.000.000 đồng đến ngày 06/10/2023 ông L có trả ông 2.000.000.000 đồng hiện còn nợ 1.000.000.000 đồng hai bên có làm giấy tờ rõ ràng. Số nợ ông L nợ ông T 1.200.000.000 đồng không liên quan gì đến ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thúy A (vợ ông L) xác định không biết gì về khoản nợ mà ông L nợ ông T nên bà không đồng ý liên đới trả nợ.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì ông L có ký tên ghi rõ họ tên và điểm chỉ trong giấy nợ ông T là 1.200.000.000 đồng vào ngày 28/6/2023. Còn giấy nợ ông B xuất trình thể hiện ngày 06/6/2022, ông B cho ông L mượn 3.000.000.000 đồng đến ngày 06/10/2023 thì ông L có trả ông B 2.000.000.000 đồng. Hai giấy nợ này riêng biệt với nhau. Đồng thời ông B và ông T không thừa nhận hai số nợ trong hai giấy nợ này là cùng một số nợ ông L nợ ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị

đơn ông Cao Hoàng L có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Ông Nguyễn Bình T khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Cao Hoàng L là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Ông Phan Thái b và bà Bùi Thị Thúy A được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Bình T yêu cầu ông Cao Hoàng L và bà Bùi Thị Thúy A liên đới trả 1.200.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 28/6/2023 thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; ông Nguyễn Bình T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: ông Nguyễn Bình T khởi kiện yêu cầu ông L và bà A trả 1.200.000.000 đồng. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do nguyên đơn cung cấp gồm có: Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 28/6/2023.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[2].Về nội dung:

Ông Cao Hoàng L thừa nhận chữ ký chữ viết họ tên và điểm chỉ trong giấy nợ do ông T xuất trình đề ngày 28/6/2023 là của ômg nhưng ông cho rằng không có nhận số tiền này từ ông T. Trong quá trình làm ăn ông chỉ có mượn ông B 3.000.000.000 đồng ngày 06/6/2022 đến năm 2023 thì ông có trả ông B 2.000.000.000 đồng chỉ còn nợ lại 1.000.000.000 đồng của ông B còn ông T thì ông không nợ. Theo ông suy nghĩ rằng trong lúc ký giấy nợ thì ông B cho ông ký hai giấy một giấy có ghi nợ 3.000.000.000 đồng, còn một giấy trống sau này ông B mới ghi thêm nội dung là ông T cho ông mượn tiền. Lời trình bày của ông Cao Hoàng L nói trên không được sự thừa nhận của ông B và ông T. Ông B cho rằng không liên quan gì đến số nợ mà ông T cho ông L mượn còn ông T cũng cho rằng số nợ ông L mượn ông không liên quan gì đến số nợ mà ông L nợ ông B. Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của ông L cho rằng không có nhận tiền từ ông T nhưng ông không

có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa hai giấy nợ mà ông L nợ ông B vào ngày 06/6/2022, còn ông L ký giấy nợ ông T ngày 28/6/2023 là hai thời điểm khác nhau. Ngoài ra để đối chất làm rõ hơn tại phiên tòa ngày 22/4/2024 và ngày 25/4/2024 nhưng ông L cũng không đến nên các ông T và B cũng không đến nên không thể đối chất được. Do đó chứng cứ duy nhất là giấy nợ ngày 28/6/2023 do ông T xuất trình mà ông L thừa nhận mình có ký tên ghi họ tên và điểm chỉ nên có căn cứ xác định rằng ông Cao Hoàng L có nợ ông Nguyễn Bình T số tiền là 1.200.000.000 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu ông L trả 1.200.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 28/6/2023 là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông T đề nghị bà A (vợ ông L) phải liên đới cùng ông L trả 1.200.000.000 đồng. Bà A không đồng ý vì bà cho rằng không biết. Qua làm việc với ông L thì ông không thừa nhận nợ ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng số nợ mà ông L nợ ông T trong thời gian sống chung với bà A nên bà A phải liên đới trả nợ cho ông T.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án ông Cao Hoàng L phải chịu án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bình T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với ông Cao Hoàng L và Bùi Thị Thúy A.

Buộc bà Bùi Thị Thúy A liên đới ông Cao Hoàng L trả cho ông Nguyễn Bình T 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông L và bà A liên đới phải chịu 48.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. H lại ông Nguyễn Bình T 24.000.000 đồng theo biên lai số 0005546 ngày 05/12/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng T2